

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

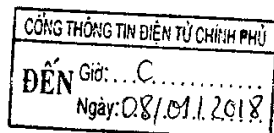
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2017/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 4208/TTr-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Đối tượng hưởng chế độ công tác phí

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Đại biểu HĐND các cấp khi tham gia hoạt động của HĐND.

2.2. Đối với chế độ chi hội nghị

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND và cuộc họp các Ban của HĐND.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

2.3. Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Nguồn kinh phí để chi công tác phí, chi hội nghị

- Ngân sách nhà nước.
- Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 3. Quy định chung về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

- Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Chế độ công tác phí và chế độ chi hội nghị do Thủ trưởng đơn vị quyết định trên cơ sở quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị

Chương II CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ

Điều 4. Chế độ công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

1.1. Thanh toán theo hóa đơn thực tế

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

1.2. Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác

- Đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Mức thanh toán khoán kinh phí

sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,1 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú

Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác), với mức phụ cấp như sau:

2.1. Đi công tác ngoài tỉnh

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng được cử đi công tác tại các vùng biển, hải đảo (ngoài tỉnh) mức chi: 250.000 đồng/ngày/người.

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng được cử đi công tác tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mức chi: 200.000 đồng/ngày/người.

2.2. Đi công tác trong tỉnh

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng cấp tỉnh đến công tác tại: Thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải, huyện Cầu Kè và các xã, ấp cũ lao trong tỉnh và ngược lại, mức chi: 100.000 đồng/ngày/người.

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng cấp tỉnh đến công tác tại các huyện và tại các xã còn lại; cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng cấp huyện đi công tác ở tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố ngoài địa bàn, mức chi: 80.000 đồng/ngày/người.

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng cấp huyện đến công tác tại các xã của huyện, thị xã, thành phố; cán bộ, công chức và lao động hợp đồng cấp xã đến công tác tại huyện, thị xã, thành phố hoặc từ xã này đến công tác tại xã khác trong cùng huyện, thị xã, thành phố, mức chi: 40.000 đồng/ngày/người.

2.3. Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính

(bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

3.1. Nguyên tắc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác

- Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng được cơ quan, đơn vị cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế.

- Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ. Trường hợp phát hiện người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền nhưng vẫn đề nghị cơ quan, đơn vị cử đi công tác thanh toán tiền thuê phòng nghỉ thì người đi công tác phải nộp lại số tiền đã được thanh toán cho cơ quan, đơn vị đồng thời phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng.

3.2. Thanh toán theo hình thức khoán

a) Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán: 1.000.000 đồng/ngày/người.

b) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng còn lại:

- Đi công tác ở quận, huyện, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 450.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại các vùng còn lại ngoài tỉnh, mức khoán: 300.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại thành phố Trà Vinh, mức khoán: 200.000 đồng/ngày/người (áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng có trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện, thị xã (nơi đi), do nhu cầu công tác phải nghỉ lại ở thành phố Trà Vinh).

- Đi công tác tại huyện, thị xã mức khoán: 150.000 đồng/ngày/người (áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng có trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố Trà Vinh và các huyện, thị xã (nơi đi), do nhu cầu công tác phải nghỉ lại ở các huyện, thị xã).

3.3. Thanh toán theo hóa đơn thực tế

Trong trường hợp người đi công tác không thanh toán theo hình thức khoán tại Điểm 3.2 Khoản 3 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng

thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

a) Đi công tác tại các quận, huyện, thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh

- Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng còn lại: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

b) Đi công tác tại các vùng còn lại

- Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng còn lại đi công tác ngoài tỉnh: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

- Đi công tác tại thành phố Trà Vinh: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng (áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng có trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện, thị xã (nơi đi), do nhu cầu công tác phải nghỉ lại ở thành phố Trà Vinh).

- Đi công tác tại các huyện, thị xã trong tỉnh Trà Vinh: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng (áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng có trụ sở cơ quan trên địa bàn thành phố Trà Vinh và các huyện, thị xã (nơi đi) do nhu cầu công tác phải nghỉ lại ở các huyện, thị xã).

c) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 02 người/phòng).

d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 01 người/phòng thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

đ) Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3.4. Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hoả, ô tô) từ

18h đến 24h cùng ngày thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoán tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

4.1. Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: văn thư, kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác) thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4.2. Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời vẫn được hưởng khoán tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

5. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

6. Chứng từ thanh toán công tác phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Chương III CHẾ ĐỘ CHI HỘI NGHỊ

Điều 5. Chế độ chi hội nghị

1. Nội dung chi tổ chức hội nghị

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Mức chi tổ chức hội nghị

2.1. Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2. Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

2.3. Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

2.4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

- Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người.
- Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người.

2.5. Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp:

Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại Điểm 2.4 Khoản 2 Điều này không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền tại Điểm 2.4 Khoản 2 Điều này, nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này).

2.6. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp tổ chức tại tỉnh:

- Đi theo đoàn: 250.000 đồng/ngày/người;
- Đi riêng lẻ: 350.000 đồng/ngày/người.

2.7. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

3. Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị phải được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trong phạm vi tổng dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm cho các cơ quan, đơn vị.

2. Đối với các hội nghị được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu hội nghị quy định tại Nghị quyết này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp.

3. Các doanh nghiệp nhà nước được vận dụng chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị quy định tại Nghị quyết này để thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện theo chương trình, đề án, dự án cụ thể, nếu có phát sinh nhiệm vụ chi công tác phí, hội nghị phí thì phải thực hiện theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chương trình, đề án, dự án phê duyệt.

Điều 7. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 15/9/2010 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh Trà Vinh.

Điều 8. Giao UBND tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. /...

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, TC, KBNN,
Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo TV, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng